

MINH VƯƠNG BỘ

I. ĐỨC BẤT-ĐỘNG MINH-VƯƠNG



Đức Bất-Động Minh-vương
像王明動不

Đức Thánh-tôn này là một trong số năm đại Minh-vương của Mật giáo. Ngài là thân phần nộ của Đại-Nhật Như-Lai biến hoá ra, lúc phải hàng phục tất cả các ác-ma. Ngài giữ vị trí trung tôn của năm đại minh-vương, và cũng là thượng thủ của năm vị đó. Tên chữ Phạn của Ngài là Acala-natha ‘A-đà-la-năng-đà’, dịch là Bất-động hoặc Vô-động.

Lời thệ-nguyện của Ngài thì trong *Thắng Quân Quỷ* nói rằng: “kẻ nào thấy thân ta mà phát-tâm bồ-đề, nghe tên ta mà dứt ác tu thiện, nghe ta nói thì được đại trí-huệ, biết tâm ta tức thân thành Phật.”

Trong Đông Mật thì năm đại Minh-vương được ghi chép như sau:

- Ở trung ương là đại thánh Bất-động Minh-vương;
- Ở phương đông là Hàng Tam-thế Minh-vương;
- Ở phương nam là Quân-Trà-Lợi Dạ-xoa Minh-vương;
- Ở phương tây là Đại Uy-Đức Minh-vương;
- Ở phương bắc là Kim-cang Dạ-xoa Minh-vương;

như vậy là thành hình-tượng của năm đại-tôn. Nhưng dựa vào chỗ sở-truyền trong đài mật thì Kim-cang Dạ-xoa Minh-vương ở phương bắc đối là Ô-sô-sát-ma Minh-vương.

Năm đại Minh-vương này là do Phật-đà vì muốn bẻ gãy và hàng phục những chúng sanh quá cứng cõi mà hoá hiện ra thân phần-nộ để hộ-trì tam-bảo trong đời vị-lai. Chư vị là giáo-lệnh của năm đức Phật: Đại-Nhật, A-Súc, Bửu-Sanh, Vô-lượng Thọ (A-Di-Đà), và Bất-không Thành-tự. Các loại thân biến hoá này gọi là Giáo-lệnh luân thân.

Hình tượng của Bất-động Minh-vương có tượng hai tay, tượng bốn tay, và tượng sáu tay. Nhưng phần nhiều thường thấy là tượng hai tay.

Thân thông-thường của Bất-động Minh-vương mang sắc xanh đen, vẻ mặt giận dữ nhìn thẳng, chân răng cắn cứng, có tượng mở to đôi mắt, có tượng chỉ mở to một mắt, tay phải cầm kiếm, tay trái cầm dây; sau lưng xuất-hiện những ngọn lửa lớn, cháy lên mãnh-liệt; phần nhiều ngồi kiết-già trên bàn thạch hay trên toà sắt.

Tướng dũng-mãnh khôi vĩ của Ngài có thể khiến cho quỷ ác, yêu ma, trông thấy phải khiếp sợ. Kiếm bén ở tay phải biểu-thị đầy đủ công-năng đè nén sự giận-dữ, sân-y và sự ngu-si tức là Tham-Sân-Si, là ba thứ độc hại đối với trí-huệ. Sợi dây ở tay trái có thể trói buộc tất cả những kẻ ỷ mạnh làm càn. Ngọn lửa dữ sau lưng Ngài có thể thiêu đốt hết thảy các thứ

phiền-não. Do đó, tất cả các hình tượng kia là để biểu-hiện đức đại-bi của Ngài (H. 45). Biệt hiệu của Ngài là Thường-trụ Kim-cang. Trong Mạn-trà-la của Thai-tạng giới, Ngài mở đầu phía bên trái của viện Trì-minh.

Trong kinh *Đại-Nhật* quyển thứ nhất, nói rằng: “Dựa vào phương Nát-lý-đề, Sứ Bất-Động Như-Lai cầm Huệ-kiếm, dây lưới; tóc trên đỉnh buông xuống vai trái. Mắt phải to nhìn thẳng mắt trái nhìn xiên. Tướng uy-nghiêm giận dữ, phát ra lửa cháy mạnh, ngồi yên tại thạch bàn...

Trong *Bất-Động Tôn Niệm tụng Bí Mật Pháp* có nói: “Ma-ê-thủ-la tức là vị chủ của ba ngàn thế-giới. Ngài có tâm ngạo-mạn cho nên chẳng chịu tuân theo lệnh triệu vời vì Ngài nghĩ như vậy: “Ta làm chủ ba cõi thì có tôn nào triệu được ta?” Rồi Ngài lại nghĩ: “Các vị trì-minh sợ tất cả mọi vật dơ xấu. Nay ta hoá hiện đủ các vật ấy, bao vây bốn bề, rồi đứng ở giữa họ; các vị trì-minh kia có thuật gì động chạm đến ta được?” Lúc bấy giờ Vô-động Minh-vương nhận giáo-lệnh của Phật triệu vị trời kia, thấy Ngài làm việc như vậy bèn hoá ra Thọ Xúc Kim-cang và đi bắt vị trời đó.

Khi ấy vị Bất-tịnh Kim-cang đó, trong khoảnh khắc ăn hết mọi vật dơ uế kia, rồi bắt vị trời nọ đem về đến chỗ Phật ngự. Vị trời ấy liền nói: “Các người là một loại dạ-xoa, còn ta là một vị chư thiên chủ. Làm sao ta có thể nhận lệnh triệu vời của các người được?” Nói xong Ngài bèn trốn về. Cứ như vậy đến bảy lần. Lúc đó, Vô-động Minh-vương bạch Phật rằng: “Bạch Thế-tôn! Vị hữu-tình này vi-phạm pháp tam-muội-đa của chư Phật ba đời. Nay lấy gì mà trị?” Phật dạy: “Hãy dứt bỏ y đi.”

Khi đó Vô-động Minh-vương bèn bắt vị trời đó, dùng chân trái đạp trên đỉnh của y trong nửa tháng. Rồi lại dùng chân phải đạp trên đầu y nửa tháng. Bấy giờ vị trời Đại Tự-tại sắp mất mạng, trong lòng phiền muộn hết sức, liền chứng vô-lượng pháp và được thọ-ký. Do đó có thể biết uy-lực của Vô-động Minh-vương chẳng phải tầm thường.

Tại Đông-mật và trong Đài-mật, Ngài Bất-động Minh-vương rất được sùng bái, cho nên tại các tự-viện thuộc Tông-phái này có khá nhiều di-tích. Bất-động Minh-vương có tám đại đồng-tử làm quyến thuộc của Ngài, đó là: Tuệ-Quang đồng-tử; Tuệ-Hỷ đồng-tử; A-nậu-đa đồng-tử; Chí-Đức đồng-tử; Ô-câu-bà-nga đồng-tử; Thanh-Tịnh tỳ-khư; Căng-yết-la đồng-tử; Chế-sa-ca đồng-tử. (Xem chương X, mục 6: Tám đại đồng-tử Bất-động.)

Ngoài ra, còn có thân biến hoá của Bất-động, gọi là Câu-lợi-ca-la Bất-động. Hình tượng của Ngài là thân rắn, trong tư-thế nuốt kiếm, đứng trên bàn đá (H.52)

II. ĐỨC HÀNG TAM-THẾ MINH-VƯƠNG

Đức Thánh-tôn này cũng là một trong số năm Đại Minh-vương. Ngôi vị Ngài ở phương Đông, tức Ngài là thân phần nộ của Phật A-súc ở đông phương.

Có một thuyết trong Bà-la-môn giáo nói Ngài là thân biến hoá của chủ-thần Thấp-bà. Tên chữ Phạn của Ngài là Trailokya-vajra ‘Đát-lệ-lộ-ca-phạ-nhật ra’ dịch là Hàng Tam-thế, hoặc Thắng Tam-thế Minh-vương, Phần nộ Nguyệt Yểm, Bạt-Chiết La-Hồng.



Hàng Tam-Thế Minh-vương
像王明世三降

Trong Mạn-trà-la của Kim-cang giới đức Minh-vương này là thân phần nộ của Kim-cang tát đỏa. Tại hội Hàng Tam-thế Yết-ma và Hàng Tam-thế Tam-muội-đa, Ngài giữ vị-trí chủ tọa.

Trong Mạn-trà-la của Thai-tạng giới, Ngài chủ trì Minh-viện ở góc Tây-bắc.

Hình tượng của đức Thánh-tôn này, thông thường thân Ngài có bốn mặt, 8 cánh tay, tướng rất ác, rất giận dữ, màu đen, chân trái mạnh có sức đứng đạp trên đầu của đại Tự-tại thiên. Chân phải đứng đạp nhẹ trên mình Thiên-phi Ô-ma biểu-thị tư-tướng dứt trừ phiề-não chướng và sở-tri chướng. Đại Tự-tại thiên biểu-thị dưng tánh thô-bạo cho nên phải dùng sức mạnh để đạp giữ. Thiên-phi Ô-ma biểu-thị tánh nhu-nhược của phái nữ, cho nên đạp nhẹ để giữ (H.46).

Trong *Hàng Tam-Thế Cực Thâm Mật Môn* có ghi hình tượng của Thánh-tôn này như sau: “Nếu nói về Hàng Tam-thế du-già thì dùng hai tay ấn nơi tim, bên phải một tay cầm chuông ngũ cổ, còn tay phần nộ thì làm tay giơ thẳng lên cầm tên và kiếm. Bên trái một tay cầm chuông ngũ cổ, kế đến cầm cung, rồi đến tay cầm dây. Tất cả đều duỗi thẳng cánh. Đầu có bốn mặt: mặt chính màu xanh; mặt bên phải màu vàng; mặt bên trái màu lục; mặt sau màu hồng. Các mặt đều giận dữ, Tự-tại thiên-vương và thiên phi làm tòa; do đó, có thể biết đây là một loại hình tượng của Ngài.

Hình tượng phổ thông của Ngài chẳng nhiều quá hai, ba loại: có loại ba mặt tám tay, tượng đứng hoặc ngồi trên đài sen. Có loại hai tay, có loại ngồi trên bàn thạch; vật cầm trong tay cũng chẳng thống-nhất. Thông thường thấy tượng bốn mặt, tám tay, chân đạp Đại-thiên và Hậu-phi.

III. ĐỨC QUÂN TRÀ-LỢI ĐẠ-XOA MINH-VƯƠNG



Quân Trà-Lợi Đạ-Xoa Minh-vương
像王明叉夜利荼軍

Đức Minh-vương này cũng là một trong số năm đại Minh-vương vừa kể trên. Tên chữ Phạn của Ngài là Kunbali ‘Ách-mật Lý-đa quân trà-lợi’, dịch theo Hán-Việt là Cam-lộ bình. Hình mạo của Ngài giống như thân đạ-xoa, thường được gọi là Quân-trà-Lợi Đạ-xoa Minh-vương. Ngài là thân phần-nộ của Phật Bửu-sanh ở phương Nam. Riêng có một thuyết nói: “Ngài là Bổn-địa Hư-không tạng Bồ-tát, bổn cung thường trụ của Ngài ở tại phương nam núi Tu-di, nên lại có tên là Quân-trà-Lợi phương Nam. Nguyên tên của Ngài là Cam-lộ bình, vì Ngài dùng phần đức của Cam-lồ làm lợi-ích cho tất cả chúng sanh. Cam-lồ tượng trưng cho thần cách của Ngài.

Lúc Ngài ở trong số tám đại Minh-vương thì tên riêng của Ngài là Đại-tiểu Minh-vương. Ngoài ra còn có các tên như Cam-

lồ Minh-vương, Kiệt-lợi Minh-vương, v.v... Tại Mật-gia của Phật-bộ, Liên-hoa bộ và Kim-cang bộ, Ngài làm biệnsự Minh-vương và được thấy nhiều lần dưới nhiều danh hiệu khác nhau như Cam-lồ Quân-trà-lợi, Liên-hoa Quân-trà-lợi, và Kim-cang Quân-trà-lợi.

Trong Mạn-trà-la của Thai-tạng giới thì Liên-hoa Quân-trà-lợi của viện Liên-hoa bộ, Kim-cang Quân-trà-lợi Kim-cang bộ và Cam-lồ Quân-trà-lợi của viện Tô-tất-địa đều là những vị đồng-thể, khác tên với vị Thánh-tôn này. Bí pháp tu hành dùng đức Thánh-tôn này làm chủ-thể được gọi là Quân-Trà-lợi Dạ-xoa pháp, nhằm mục đích trừ đuổità ma, rấn dữ, phiềnnão, bệnh tật, hôn ám làm chương-ngại v.v...

Trong *Cam-Lồ Quân-trà-lợi Bồ-tát Cúng Dường Niệm Tụng Thành Tự Nghi Quỹ* của Bất-không Tam Tạng dịch, tiết một nói về Pháp đàn cứu bệnh có ghi: “Nếu đến lúc ăn uống, và trước khi chưa ăn, nhớ Ngài Quân-trà-Lợi, mà sốt thức ăn mỗi thứ một ít rồi trong tâm mật tụng thần chú Quân-trà-lợi 7 biến, tức thì Ngài Quân-trà-Lợi sẽ tùy theo chỗ ở của người đọc chú mà ủng-hộ cho. Nếu ngày ngày đều làm pháp ấy thì tâm của Ngài Kim-cang Quân-trà-Lợi rất hoan hỷ, Ngài sẽ luôn luôn phò hộ cho mọi nơi, mọi chỗ.” Như vậy có thể nói rằng cứ niệm tụng đức Minh-vương này để có được công đức.

Hình tượng của Ngài đồng một dạng với Hàng Tam-thế Minh-vương. Hình khác dạng cũng rất nhiều: có tượng hai mặt 4 tay, tượng 4 mặt 8 tay, v.v... Nhưng tượng thường thấy ở thế-gian là tượng tám tay.

Về hình tượng của Ngài, trong *Đà-La-Ni Tập Kinh* đã ghi rất rõ: “Thân tượng của Ngài thường thấy màu xanh, hai mắt đều đỏ, tóc rối làm kếc. Tóc trên đầu màu đen đỏ lẫn lộn như tam-muội hoả diêm (ánh lửa), mắt mở to giận dữ, răng trên lòi ra, bậm xuống môi làm thành khuôn mặt đại sân. Có hai con rấn đỏ hai đầu giao nhau thòng xuống trước ngực, hai đầu chúng ngẩng lên, hai đuôi chúng thòng xuống đến vai. Màu của hai con rấn này như màu rấn cổ vàng, đen đỏ cách khoảng nhau.

Trong tám tay thì: bên phải, tay cao nhất cầm bậchiết-la, cánh tay co, hướng lên; dưới đó, tay thứ hai cầm trường kích hai đầu có ba chĩa, một mũi hướng lên trên và một mũi quay xuống ; cánh tay để đứng lên. Dưới nữa là cánh tay thứ ba áp sát với cánh tay thứ ba bên trái, hai cánh tay giao nhau tại trước ngực, trong bàn tay phải cầm hai con rấn đỏ giao nhau, mỗi con đều hướng về mặt tượng.

Bàn tay trái cũng cầm một con rấn đỏ. Hai tay nữa thì kiết ấn bậchiết-la: dùng ngón cái đè lên móng ngón út, còn các ngón khác đều đuổithẳng, tức dùng tay trái áp vào phía trước cổ tay phải, dùng tay phải áp vào phía trước cổ tay trái; ấy là tâm ấn vậy. Dưới nữa là tay thứ tư, cánh tay thõng xuống, bàn tay ngửa ra, năm ngón đều đuổithẳng thành ấn thí vô-uy. Bên trái, tay trên cùng cầm bánh xe vàng (kim luân) tám cạnh, cánh tay co lại hướng lên trời.

Tay kế tiếp co lại với ba ngón sau cùng co vào lòng bàn tay trong khi ngón cái chặn trên ngón giữa ngón trở đuổithẳng, hướng lên trời, cả mặt trong của bàn tay hướng về bên trái. Tay thứ ba bắt ấn bậchiết-la như đã nói trên. Còn tay thứ tư chống ngang hông trái, các đầu ngón tay hướng về bên phải. Tất cả tám cổ tay đều mang xuyên vàng. Ngài mặc áo trời màu đất tím rải hoa gấm, choàng qua vai, và đầu áo hai bên tả hữu đều thõng xuống.

Nước da Ngài màu hồng, hai bên hông khoác da cạp và gấm. Hai cẳng chân đều có rấn đỏ quấn quanh, màu hai con rấn cũng có những khoang đen đỏ xen kẽ nhau. Tượng đứng trên hai hoa sen làm bằng bảy vật báu. Ngón chân bên phải quay hướng bên phải; ngón chân bên trái quay hướng bên trái (H.47).

Tượng bốn mặt bốn tay, nguyên biểu-thị sự hàng phục bốn phiến não ngã-si, ngã-kiến, ngã-mạn, ngã-ái của Mạt-na-thức thứ bảy. Về hình tượng này thì trong *Cam-Lồ Quân-trà-lợi Bồ-tát Cúng Dường Niệm tụng Nghi Quỹ* có nói: “Nói về thân tướng của bốn-tôn thì nên quán bốn mặt, bốn cánh tay. Tay phải cầm chày kim-cang. Tay trái bắt ấn mãn-nguyện. Còn hai tay nữa thì kiết ấn yết-ma. Thân ở trong vầng trăng, giữa ánh hào quang rực-rỡ. Ngài ngồi trên hoa sen xanh, đặt trên bàn đá. Mặt trước rất từ-bi, mặt thứ hai bên phải phẫn nộ, mặt thứ ba bên trái tươi cười, mặt thứ tư phía sau mở miệng, có vẻ hơi giận.”

IV. ĐỨC ĐẠI-UY-ĐỨC MINH-VƯƠNG



Đại Uy-Đức Minh-vương
像王明德威大

Đức Thánh-tôn này cũng là một trong số năm đại Minh-vương. Tên chữ Phạn của Ngài là Ymantaka ‘Diễm-man-đức-ca’, tức có ý nói Ngài là bậc Thánh-tôn trong việc hàng phục Diễm-ma, dịch là ‘giải thoát sự ràng buộc cho chúng sanh’. Ngài còn có biệt danh là Lục-Túc tôn. Biệt hiệu của Ngài là Uy-đức Kim-cang. Ngài là thân biến hoá của đức Phật Vô-lượng Thọ ở phương tây. Có thuyết nói Ngài là đức Văn-Thù Bồ-tát hoá thân.

Ngài có khả-năng hàng phục tất cả các loài rồng ác-độc, dứt trừ mọi chướng-ngại. Bởi uy đức vĩ đại này mà tất cả chư vị Long-vương khi thấy Ngài đều sanh lòng sợ hãi, do đó mà Ngài được gọi là Đại Uy Đức Minh-vương (H.48).

Trong Mạn-trà-la của Thai-tạng giới, địa vị của Ngài trong viện Trì-minh, giống như chư vị ở bên trái của chư Bồ-tát.

Pháp tu dùng Đại Uy Đức Minh-vương làm chủ gọi là Đại Uy-đức Minh-vương pháp, pháp tu này nhằm mục-đích điều-phục mọi

oán thù.

Hình tượng của Ngài cũng có nhiều loại. Loại thường thấy có ba mặt, sáu tay, sáu chân, với diện mạo rất giận dữ: tay cầm kiếm, bánh xe có mũi nhọn và chày kim-cang. Hai tay kiết ấn triết-phục, cười trâu.

Trong *Chư Pháp Bát-Đồ Ký* quyển 4 có nói: “Thông thân của Ngài màu xanh đen, tóc màu lửa dựng đứng, tướng rất dữ. Mặt trước miệng cười mở lớn lộ bốn cái răng ra ngoài. Bên phải và bên trái mỗi bên đều có một mặt. Trên đỉnh đầu có ba mặt; răng trên cắn môi dưới, sáu tay, sáu chân. Hai tay phía trước chấp lại, các ngón hướng vào trong. Hai ngón giữa hiệp lại dựng đứng. Bên phải thì một tay mở khuỷu tay, cầm gậy thông xuống nghiêng về bên phải; một tay giơ cánh tay lên cầm kiếm hướng về thân, khuỷu tay này dựng đứng. Bên trái, một tay giơ cánh tay cầm kích ba chĩa hướng về thân. Mình mặc lụa xanh, hai đầu mỗi bay

lên, quần bằng da báo, ngồi trên bàn đá. Ba chân bên phải thòng xuống, cổ chân đeo vòng, đầu gối để lộ ra, tai đeo vòng ngọc trai.

Trong *A-tỳ-già-lo-ca Nghi Quĩ* nói: “tượng của Ngài Diêm-ma-đức-ca có sáu mặt, sáu tay, màu đen như bụng chó sói, giận dữ tóc dựng trên đầu lâu, dùng da cọp làm quần, cầm các loại khí-trượng, hình tướng rất dễ sợ. mắt đỏ ngầu, hình bạo ác, ba mắt khác đời, cưỡi trên trâu nước.”

V. ĐỨC KIM-CANG ĐẠ-XOA MINH-VƯƠNG



Kim-Cang Đạ-Xoa Minh-vương
像王明叉夜剛金

Đức Thánh-tôn này cũng là một trong số năm đại Minh-vương của Đông-mật. Tên chữ Phạn của Ngài là Vajra-Yaksa ‘Phạ-nhật-ra-dược-cật-xoa’, dịch là Kim-cang Tận, hoặc Kim-cang Đạm-thực. Biệt hiệu là Hộ-pháp Kim-cang. Ngài là thân phần nộ của đức Phật Bất-không Thành-tựu ở phương bắc. Trong đài mật, tại chỗ đứng của Ô-sô-sa-ma Minh-vương thì Ngài cùng với vị Minh-vương này là đồng-thể mà khác tên. Bản-thệ của Ngài là ăn tất cả các tâm bất tịnh. Vì vậy Ngài khác với vị Minh-vương kia là ăn tất cả các vật bất-tịnh. Có thuyết nói rằng Ngài là thân biến hoá của một trong bốn vị Kim-cang Nha BỒ-tát ở phương bắc của Mạn-trà-la thuộc Kim-cang giới. Dùng vị Minh-vương này làm chủ thể để tu pháp Kim-cang Đạ-xoa là nhằm mục-đích trừ nạn, cầu quan. Trong nhiều pháp tu của Đông-mật thì pháp này hệ thuộc bí-pháp trong các bí-pháp. Nó tuyệt đối không được trao truyền cho những người chưa được 40 tuổi trở lên.

Hình tượng của đức Thánh-tôn này trong kinh *Du Ký* có nói: “Hình của Kim-cang Đạ-xoa có sáu cánh tay cầm các vật như sau: cung, tên, kiếm, luân ấn, và tát-đỏa của yết-ma. Ngài có năm mắt, ba đầu, đầu có bờm ngựa. Tay chân đều mang vòng ngọc để biểu thị sự trang-nghiêm.

Tuy nhiên, hình tượng được thấy trong thế-gian thì phần nhiều làm ba mặt, sáu cánh tay. Chính diện mở to năm mắt, hai mặt bên phải và bên trái đều có ba mắt. Bên phải, tay thứ nhất cầm chày kim-cang năm chấu, tay thứ hai cầm kiếm, tay thứ ba cầm tên. Bên trái, tay thứ nhất cầm chuông kim-cang, tay thứ hai cầm bánh xe, tay thứ ba cầm cung. Chân trái giở cao, chân phải duỗi ra, đứng trên hai hoa sen, vì phải chế phục tất cả đạ-xoa cho nên hiện tượng dũng-mãnh, quả cảm (H.49).

Trên đây là phần lược thuật năm vị Thánh-tôn làm năm đại Minh-vương được lưu-truyền trong Đài mật của 3 tỉnh. Ngoài ra còn có tướng Kim-cang Đạ-xoa mà đại diện là Ngài Ô-sô-sa-ma Minh-vương.



VI. ĐỨC Ô-SÔ-SA-MA MINH-VƯƠNG



Đức Ô-Sô-Sa-Ma Minh-vương
像王明摩沙髻烏

Vị Minh-vương này là một trong số năm đại Minh-vương trong Đài mật. Tên chữ Phạn của Ngài là Uchhusma ‘Ô-xu-sắt-ma’ hoặc ‘Ô-xu-sa-ma’. Biệt danh của Ngài là Hoả-đầu Kim-cang, Uế-tích Kim-cang, Bất-hoại Kim-Cang, Bất-tịnh Kim-cang, hoặc Thọ-xúc Kim-cang, v.v...

Bổn-thệ của Ngài là ăn hết tất cả các vật bất-tịnh. Từ xưa đến nay, trong dân gian, Ngài được xem là một vị thần để tẩy-trừ những gì bất-tịnh, đã từng có người cung phụng Ngài làm vị thủ hộ nhà xí. Theo các điều nói trong *Uế-Tích Kim-Cang Kinh* tức biết đại lược sự lợi ích của mục này như sau: “...từ tâm bên trái hoá sanh Bất-hoại Kim-cang khởi ngồi nơi giữa đại chúng. Ngài nói với đại chúng rằng: ta có đại thần- chú có thể bắt giữ Phạm-vương, làm chấn-động khắp mọi nơi. Lúc ấy cung trời, cung rồng, cung các quỷ thần; tất cả đều gãy đổ. Tức thì thăng thân của Ngài đến chỗ Phạm-vương. Lúc Ngài dùng ngón tay chỉ các uế-vật thì chúng nó đều biến thành đại địa. Khi ấy, Ngài Kim-Cang đến đó và nói: “Người thật đại ngu si. Ta Như-lai thích nhập Niết-bàn, sao Người chẳng đi?” Tức thì Ngài dùng sức vi diệu của Kim-cang bất hoại, khiến Phạm-vương phát tâm đến chỗ của Như-Lai.

Những ai trì tụng thần chú của Minh-vương này có thể được công-đức rất lớn, chẳng những được các lợi-ích như: trừ được các bệnh tật, được Người kính yêu, được thoát nạn, được phước, kẻ thù từng phục, v.v... mà còn có thể chống ngăn cây khô thành tinh, ác quỷ, các thứ rắn độc, các chướng-ngại. Ngoài ra, còn có một loại công-đức đặc biệt, có thể làm chuyển biến nữ thai thành nam thai bằng một pháp gọi là “Ô-sô-sa-ma Minh-vương nam tử biến pháp”.

Truyền thuyết nói rằng tại nước Nhật, trong thời bình- yên, chẳng luận đế-vương hay quý-tộc đều phụng thờ, tu tập rất đông theo pháp này của Ngài; nhất là vào dịp sanh-nhật của Nhật-hoàng thì đặc biệt có lệnh khiến phượng tăng Nam-thắng chính thức và nghiêm trang theo pháp ấy.

Trong kinh *Lăng-Nghiêm*, quyển năm có nói: “ Ô-xu-sa-ma quỳ trước Như-Lai, chắp tay đánh lễ hai chân Phật và bạch Phật rằng: “Con thương nghĩ tưởng kiếp trước lâu xa, tánh nhiều tham-dục, có vị Phật ra đời tên là Không-vương. Ngài nói: người đa-dâm thành nhóm lửa mạnh. Ngài dạy con quán khắp tứ chi 100 hài cốt, các hơi ấm lạnh, khiến cho ánh sáng tinh thần nhóm vào một chỗ bên trong đối tâm đa-dâm thành lửa trí-tuệ. Vì vậy mà chư Phật đều gọi con là ‘Hoả đầu’. Con nhờ sức của hỏa-quang tam-muội mà được thành A-la-hán, phát tâm đại nguyện. Khi chư Phật thành đạo thì con làm lực-sĩ hầu cận để hàng phục ma oán.”

Hình tượng của đức Minh-vương này có nhiều loại: tượng hai tay, tượng bốn tay, sáu tay (H.50) và tượng tám tay, v.v... Nhưng phổ thông nhất đều dùng tượng bốn tay là tối đa.

Trong kinh *Ô-sô-sa-ma Minh-vương* có nói: “Đại Uy-lực Ô-sô-sa-ma Minh-vương hình đại phần nộ, mắt màu đỏ. Toàn thân màu xanh đen, phát ra ánh lửa sáng có bốn tay. Bên phải tay trên cầm kiếm, tay thứ hai cầm lưới tơ. Bên trái tay trên cầm gậy đánh xe, tay thứ hai cầm xoa ba châu. Trên các khí-tượng cũng phát ra ánh lửa.

VII. ĐỨC KIM-CANG ĐỒNG-TỬ



Kim-Cang Đồng-Tử Minh-vương
佛子童剛金

Bậc Thánh-tôn này, tuy chẳng phải là Minh-vương nhưng vì xưa nay các nhà tu theo Mật phái đều tôn-trọng Ngài như vậy nên đặc biệt xếp Ngài vào bộ này.

Tên chữ Phạn của Ngài là Kanikrodha ‘Ca-ni-cú-lộ-thái’, dịch là Kim-cang Yết-ni, Kim-cang Đồng-tử, hoặc Ma-câu-la Kim-cang. Dựa vào tôn-danh của Ngài mà làm hình đồng-tử của thân phần nộ (H.51). Có hai loại là hoàng-kim đồng-tử và thanh-kim đồng-tử. Thanh-kim đồng-tử là thân biến hoá của Kim-Cang Tát-đỏa, làm bốn tôn của Đông-mật. Hoàng-kim đồng tử là thân hoá hiện của đức Phật Vô-lượng Thọ ở phương tây. Trong Đàn-Mật thì hai vị được xem như nhau. Hai vị đồng-tử này đều có ánh lửa cực-kỳ rực-rỡ, như hình vành mặt trời. Thần-lực của chư-vị có thể là rất lớn, không gì so sánh bằng. Dùng đồng-tử này làm chủ

thể trong đàn mật để thờ phượng và tu hành thì có pháp Hoàng-kim-cang đồng-tử. Mục-đích chính yếu của pháp này là có thể tạo được nhiều hy-vọng, được các công-đức như tức tai, điều phục, v.v...

Trong *Kim-Cang Đồng Tử Thành Tựu Nghi Quy* do Bất-không Tam-tạng dịch, có một mục nói như sau: Tượng Ngài là một thân nhẩy ra khỏi biển, đứng giữa biển khơi. Thân như màu ngọc lưu-ly, có sáu cánh tay. Tượng mạo sung-mãn, mặt có ba mắt màu đỏ, đầu đội mũ báu. Răng nanh cong lên, miệng bặm môi xuống, lông mày dựng đứng, dáng bộ giận dữ. Ngoài ra, nơi giữa biển, Ngài vạch một núi báu, rồi dùng chân trái đạp lên, tức thì có diệu liên-hoa hiện ra đỡ chân Ngài. Còn chân phải thì đứng nơi giữa biển, nước ngập đến nửa gối. Bên phải: tay thứ nhất cầm để-ly thương, đủ chày kim-cang, làm động tác ném xuống; tay thứ hai cầm gậy mâu-sa-la có một đầu hình như cái chày sắt; tay thứ ba cầm búa lớn. Bên trái thì tay thứ nhất cầm gậy; tay thứ hai như ở trong thế đang nghĩ định, bàn tay nắm lại, chỉ có ngón cái duỗi ra; tay thứ ba cầm kiếm.

Ngài dùng một con rắn lớn, quấn sừng, cột buộc nơi chân, lại dùng tất cả các thứ rắn độc đeo ở cổ tay làm xuyên, ở lưng làm dây lưng, ở cổ làm anh-lạc, ở tai làm hoa tai, ở trên tóc, v.v... Sau lưng có vầng sáng tròn, có ánh lửa bao quanh. Ngoài ánh lửa có sấm chớp giúp thêm vào. Do đó ta có thể biết hình tượng của vị đồng tử này rất là dũng mãnh.

VIII. ĐỨC CÂU-LỢI CA-LA MINH-VƯƠNG



Đức Câu-Lợi Ca-La Minh-vương
像 王 明 羅 迦 利 俱

Vị Minh-vương này nguyên tên là Câu-lợi Ca-la Bất-động Minh-vương cho nên dùng tượng một con rồng đen quấn quanh cây kiếm bén. Cây kiếm này là của Bất-động Minh-vương cầm ở tay phải, còn con rồng đen là tượng trưng cho lưỡi tơ Bất-động Minh-vương cầm nơi tay trái. Ngài dùng hai loại linh-bửu này để biểu thị cái trí-huệ cố hữu của Bất-Động Minh-vương thành hai phần công-đức.

Trong *Câu-Lợi Ca-la-đà-la-ni Kinh* có nói: “Từ trước, lúc Bất-động Minh-vương và đại Ma-vương đấu pháp, thì Bất-động Minh-vương tự hoá làm một con rồng đen để quấn quanh cây kiếm bén của đại Ma-vương đang cầm.” Do thuyết đó mà thành-hình tượng của Minh-vương này. “Nếu muốn sai khiến được Câu-lợi Ca-la thì nên theo mẫu vẽ trên vách một cây kiếm rồi vẽ Câu-lợi ca-la Long-vương quấn quanh trên kiếm ấy: long-vương thì vẽ hình rắn, trên cây kiếm thì ghi một chữ A (). Trong tâm mình cũng tự quán cây kiếm ấy và chữ đó sao cho rõ ràng minh-bạch,

và nhớ đừng để tâm dao-động. Tụng 108 biến, một ngày ba thời trong sáu tháng, hay tụng nhiều hơn nữa thì càng có lợi. Sau kỳ hạn ấy thì Câu-lợi Ca-la long-vương hiện hình thành người đi theo hành-giả, nhận sự sai khiến để thi-hành.” Điều ghi trên đây là để chứng-minh rằng vị long-vương này có công-lực, phương tiện chẳng khá nghĩ bàn. Điều này cũng có ghi chép trong kinh *Đà-la-ni Bí-Biệt* đã nói trước đây.

Hình tượng của Minh-vương này trong *Long-Vương Tượng Pháp* cũng có nói như sau: “Hình Ngài như rắn, có quyền lực làm sấm chớp. Thân màu vàng ròng, mang báu như-ý, khởi ánh lửa tam-muội, bốn chân hình chạm hút, sau lưng bày ra bảy cây kim bén bằng kim-cương. Trên trán có sừng ngọc một nhánh, quấn quanh trên cây kiếm trên đó có chữ A, cũng dùng để quán tâm, rất rõ ràng. Nếu làm tượng người thì khắp thân mặc giáp trụ, sắc mặt vui giận, như Tỳ-lỗ-bác-xoa. Tay trái chống nạnh cầm dây tơ, cánh tay phải giơ khuỷu lên, cầm kiếm. Trên đỉnh đầu đặt thân long-vương cuộn khúc, đứng trên núi Kim-cang.”

Do hai loại pháp nói trên, ta có thể biết hình tượng của Ngài thật là kỳ diệu, lạ lùng. Hình tượng thường thấy phần nhiều là thân rồng quấn trên kiếm (H.52), phát ra ánh sáng rực-rỡ.

IX. ĐỨC ÁI-NHIỆM MINH-VƯƠNG

Đức Thánh-tôn này tên chữ Phạn là Raga ‘Ra-nga’, hay Raga-rajā ‘Ra-nga-ra-xả’, hoặc Maha-raga ‘Ma-ha Ra-nga’. Nghĩa của hai chữ Raga là yêu-đắm, thân-ái, cũng bao hàm tư-tưởng nhiễm-sắc, ưa sắc tươi sáng. Giữ hai loại ý-nghĩa ấy nên hợp lại mà giải-thích là “ái-nhiễm”. Hai chữ Raga còn bao-hàm ý-nghĩa màu đỏ và tánh đỏ. Vì vậy mà tượng của Minh-vương này toàn thân màu đỏ để biểu thị Ngài có đủ thần-cách.

Nguyên lai của Ra-nga là thân của Bà-la-môn giáo, đến đời sau được nhập vào Mật-



Đức Ái-Nhiễm Minh-vương
像王明樂愛

giáo. Ngài là vị thần biến hoá của Kim-Cang Tát-đỏa. Riêng có một thuyết nói rằng Ngài là hợp thể của bốn vị: Kim-Cang vương, Kim-Cang ái, Kim-Cang hỷ và Kim-Cang tát-đỏa. Về hình tượng biểu lộ bên ngoài thì thấy Ngài có tướng bạo ác, giận dữ, khí thế hung hăng dễ sợ; nhưng về nội-tâm thì ngược lại, Ngài có bản-tánh đại ái chí tình; trong số các Minh-vương thì Ngài vượt trội hơn cả.

Dựa theo phẩm Ái-Nhiễm Vương trong *Du-Ký Kinh* thì “thân Ngài màu như ánh sáng mặt trời, trụ giữa vành mặt trời rực-rỡ, ba mắt uy-nộ. Trên đầu nhục-kế có mũ sư-tử, tóc bén hình phần nộ. Thân Ngài thất đai, tay trái cầm chuông vàng, tay phải cầm chày năm núi nhọn như hình dáng tát-đỏa an lập chúng sanh giới. Bên trái tay thứ hai cầm cung kim-cang. Bên phải tay thứ hai cầm tên kim-cang như bắn ánh sáng cho chúng-sanh thành đại-nhiễm pháp. Bên trái, tay dưới nắm ý sở-cầu của họ. Bên phải, tay dưới cầm hoa sen, như trong thế đánh tất cả các ác-tâm của chúng-sanh khiến cho chúng mau bị tiêu diệt, không còn nghi ngại. Dùng các loại tơ nhụy hoa thất, quán chung quanh thân Ngài để bày tỏ sự trang nghiêm. Ngài ngồi kiết-già trên hoa sen đỏ: dưới hoa có bình báu, hai bên bình rơi rải-rác các thứ báu vật.” (H.53)

Hình tượng thông-truyền ở thế-gian phần nhiều dựa vào các điều nói trong các Kinh trên đây để làm căn cứ. Chỉ có các vật cầm tay để biểu-thị công-đức Ngài thì có sai khác. Chẳng hạn như vành mặt trời là để tức-tại; tháp ấn và thái-đao là để bày tỏ sự tăng ích; la thủ và bình báu là để biểu thị sự hàng phục ác ma; bửu châu như-ý là để cầu phước. Còn giáp trụ, bánh xe, đầu lâu, các loại câu móc, v.v... là để phô-bày tư tưởng điều-phục oán địch.

Ngoài ra, truyền thuyết của thế-gian nói rằng: “khi trong lòng người con trai muốn được người con gái thì nên viết một chữ “Thư” (nghĩa là con mái, trái nghĩa với chữ “Hùng” là con trống) rồi bỏ vào lòng bàn tay của Ngài. Cũng như lúc người con gái muốn được lòng người con trai thì viết chữ “Hùng” rồi bỏ vào lòng bàn tay Ngài, tức thì được toại nguyện. Đây là một loại pháp niệm tụng rất đặc biệt, mà tư-tưởng chính yếu không có gì là không thuộc về phương-diện “Ái” trong bốn thế của Minh-vương. Và lại, khi nói về ý-nhiệm vật thì xưa nay người ta phần nhiều tin-tưởng vào nghiệp-nhiệm sắc, là việc mà trong thế-gian ai cũng biết.

X. ĐỨC LƯƠNG ĐẦU ÁI-NHIỄM MINH-VƯƠNG

Đây là một vị Minh-vương rất đặc biệt, không thấy nói trong các Kinh, mà chỉ được truyền khẩu từ xưa đến nay trong các nhà tu Biệt. Có một thuyết nói: “Ngài là hợp thể của Bất-Động Minh-vương và Ái-Nhiễm Minh-vương. Một thuyết khác thì nói: hai thể của Ái-Nhiễm Minh-vương hợp nhất mà thành ra Ngài. Thật chẳng biết căn cứ vào đâu để xác-định sự thật.

Hình tượng của Ngài thì trong *Lang Ký* có nói: “Ngài có một thân hai đầu, đầu bên trái có bộ mặt giận dữ đỏ gay, mặt bên phải hiền từ trắng trẻo. Toàn thân màu trắng, như tượng Kim-Cang Toát-Đỏa; tay trái cầm chuông, trên đỉnh đầu phóng ra hào-quang ngũ sắc. Ngài trụ giữa vành trăng, ngồi trên hoa sen hồng. (H.54)



Đức Lương Đầu Ái-Nhiệm Minh-vương
像王明樂愛頭爾

XI. ĐỨC KHỔNG TƯỚC MINH-VƯƠNG



Đức Khổng-Tước Minh-vương
像王明雀孔

Đức Minh-vương này tên chữ Phạn là Mahamayuri ‘Ma-ha-ma-du-ri’, dịch Hán Việt là Khổng-Tước Minh-vương, hoặc là Khổng-Tước Phật-Mẫu Bồ-tát. Biệt hiệu là Phật-Mẫu Kim-Cang.

Trong Mạn-trà-la của Thai-tạng giới, Ngài trụ ở viện Tô-tát-địa, Ngài là Phật-mẫu tốt đẹp hơn cả, hình tượng có một đầu bốn cánh tay, ngồi kiết-già trên lưng con Công to lớn (khổng-tước). Nhưng theo truyền thuyết của Đông-Mật thì Ngài là thân biến hoá của Thích-Ca Như-Lai.

Khổng-tước là tên chim đặc-sản của Ấn-độ, dùng để bày tỏ công-đức lợi-sanh sát hóa của Ngài.

Trong *Khổng-tước Kinh*, có xưng tán công đức của Ngài như sau: “Tỳ kheo Kiết-Tường xuất gia chưa được bao lâu, Ngài vì chúng tăng đi cắt cỏ và giặt giũ. Một hôm, Ngài đến dưới gốc cây thì bị một con rắn đen bò đến cắn ngón chân cái bên phải; nọc độc chạy lan khắp người khiến Ngài ngã quy xuống đất, miệng sùi nước bọt. May có Ngài A-Nan trông thấy, bèn đến chỗ đức Phật và thỉnh-ý Phật lấy gì để trị. Phật dạy Ngài A-Nan rằng: “Người hãy trì chú trong kinh Như-Lai Đại Khổng-Tước vương để hỗ-trợ cho tỳ-kheo Kiết-Tường. Kiết giới và kiết chú đó thì rắn độc chẳng hại được, dao gậy và các hoạn-nạn chẳng có thể gia thêm, tất-nhiên trừ được.”

Dựa theo các điều nói trong Kinh Khổng-Tước thì pháp Khổng-Tước lấy đức Minh-vương này làm chủ-thể. Pháp này chuyên làm việc tức tai, trừ nạn, kéo dài mạng sống.

Lại gặp lúc trời hạn hán mà làm phép cầu mưa đúng lúc, nên rất nhiều người tin theo và thực hành pháp này. Khi tu pháp này, nên đặt bày tế-đàn hết sức trang-nghiêm, dựa theo các pháp-thức đã định mà làm. Tụng kinh Phật-mẫu Đại Khổng-Tước Minh-vương. Pháp tụng một chữ mà niệm lại năm lần này gọi là “pháp tụng niệm Nhất Tự Ngũ Phản Khổng-Tước Vương Kinh.” Đây là một trong các bí-pháp rất quan trọng của Đông-Mật xưa nay.

Xem trong *Đại Khổng-Tước Minh-vương Họa-Tượng Đàn-Tràng Nghi Quỹ* có đoạn nói về tướng tốt của đức Thánh-tôn này như sau: “Trong nội-viện ở trung-tâm vẽ hoa sen tám cánh, nơi đài hoa vẽ Bồ-tát Phật-Mẫu Đại Khổng-Tước Minh-vương, đầu hướng về phương đông, màu trắng; thân mặc áo nhẹ màu trắng có vẽ hoa; đầu đội mũ có đeo anh-lạc, hoa tai; cánh tay đeo các loại xuyên, v.v... rất trang-nghiêm. Ngài cưỡi khổng-tước màu vàng, ngồi kiết-già trên hoa sen trắng hoặc xanh; tướng mạo từ-bi, có bốn cánh tay. Bên phải, tay thứ nhất cầm hoa sen nở, tay thứ hai cầm quả câu-lục (hình giống quả thơm, dứa). Bên trái, tay

thứ nhất cầm quả kiết-tường (giống quả đào, quả lý) đặt ngang tim, tay thứ hai cầm 53 cọng lông đuôi khổng-tước (H.55)

Hình tượng được lưu truyền ở thế-gian phần nhiều đều căn-cứ theo các điều ghi trong Kinh mà làm ra.

XII. ĐỨC MÃ-ĐẦU MINH-VƯƠNG



Đức Mã-Đầu Minh-vương
像王明頭馬

Tên chữ Phạn là Hayagriva ‘Hà-gia-yết-lị-bà’, Đức Minh-vương này khi nhập vào bên bộ Quán Thế-Âm thì làm Mã-đầu Quán Thế-Âm. Hay còn có tên khác là Mã-đầu Đại Lực-sĩ. Tại Liên-hoa bộ, trong Giáo lệnh luân thì Ngài là một trong sáu vị Quán-Âm. Lúc ở tại bộ Minh-vương thì làm Mã-đầu Minh-vương, hoặc Đại-lực Trì Minh-vương. Ngài lợi dụng Chuyển luân thánh-vương, đặc biệt có sức chân ngựa báu, lội qua nước khắp bốn biển lớn. Uy-lực của Ngài rất lớn, có thể chiết-phục tất cả các ma-chướng. Đức Minh-vương này, đặc biệt có công-lực phá được Vô-minh.

Trong *Bát Tự Văn Thù Nghi Quĩ* có nói: “Vẽ một vị Mã-đầu Minh-vương có ba mặt, sáu cánh tay đều cầm khí tượng: bên trái, một tay cầm hoa sen, một tay cầm bình, một tay nắm lại để ở tim; bên phải, tay trên cầm búa, một tay cầm chuỗi hạt, một tay cầm dây tơ. Ngài ngồi trên tòa luân-vương trên hoa sen, tướng rất giận dữ, ở trong tư-thế rất ác, rất dữ tợn (H.56)

XIII. ĐỨC BỘ-TRỊCH MINH-VƯƠNG

Đức Thánh-tôn này tên chữ Phạn là Padanaksepa ‘Bá-na-năng-kiết-sử’. Ngài là một trong số tám đại Minh-vương. Truyền-thuyết nói rằng Ngài là hoá thân của đức Phổ-Hiền Bồ-tát. Nhưng tại Mạn-trà-la của Thai-tạng giới không có danh tánh của Thánh-tôn này. Ngài thường cùng tất cả chúng sanh giao tiếp, thủ hộ và ban bố phần đức cho chúng sanh.

Trong *Bộ Trịch Kim-Cang Niệm tụng Nghi Quĩ* có nói: “vĩnh viễn xa lià tám khổ nạn của ba đường ác, đầy đủ hạnh Phổ-hiền. Ngài có thể đốt cháy hết các địa-ngục để giải thoát tội nhân khiến họ phát tâm Bồ-đề; khắc-chế và làm cho các ác-ma lui chạy tan-tác. Công-đức và uy-lực của Minh-vương này được ghi chép như vậy.

Xem phần tướng tốt của Ngài trong một tiết của *Bát Đại Phật Đảnh Nghi Quĩ* thì thấy nói: tay phải Ngài cầm lọng thí, tay trái cầm chày kim-cang. Toàn thân màu hư không, phóng ánh sáng lửa hồng (H.57).



Đức Bộ-Trịch Minh-vương
像王明擲步

XIV. ĐỨC VÔ-NĂNG THẮNG MINH-VƯƠNG



Đức Vô-Năng Thắng Minh-vương
像王明勝能無

Đức Thánh-tôn này tên chữ Phạn là Aparajita ‘A-bà-ra-nhĩ-la’, dịch là Vô-năng thắng. Truyền thuyết nói: bản thân của Ngài là hoá-thân của đức Thích-Ca Mâu-ni Như-Lai. Một thuyết khác cho Ngài là hoá-thân của Địa-Tạng Bồ-tát. Vô-năng-thắng nghĩa là ‘chẳng có thể phá-hoại được’. Bốn thế của Ngài cũng như vậy.

Về tướng tốt của Ngài thì trong viện Thích-ca của Mạn-trà-la thuộc Thai-tạng giới, Ngài đứng hầu bên hông trái. Hình tượng của Ngài có bốn mặt, bốn tay. Mặt nào cũng có ba mắt, tóc màu ánh lửa. Bên phải, tay thứ nhất hợp chưởng giơ cao; tay thứ hai đồng dạng để sau lưng. Bên trái, tay thứ nhất cầm búa lớn, tay thứ hai cầm chày có ba mũi nhọn. Ngoài ra, Ngài còn có tướng khác nữa, nhưng rất hiếm thấy; và việc Ngài được thờ một mình lại càng hiếm thấy hơn (H.58)

XV. ĐỨC THẮNG TAM-THẾ MINH-VƯƠNG

Thắng Tam-Thế Minh-vương có sách gọi là Thánh Tam-Thế Minh-vương. Biệt hiệu của Ngài là Tối-Thắng Kim-Cang. Đức Thánh-tôn này tuy cùng với Hàng Tam Thế Minh-vương là đồng thể khác tên, nhưng trong nghĩa của Đông-Mật thì đối với hai Thánh-tôn này việc tác-pháp kính lễ có phân-biệt, vì bốn thế của Minh-vương này với bốn-thế của Hàng Tam-Thế có sự sai khác.

Về hình tượng của Ngài, thì trong *Kinh Đại-Nhật*, phẩm *Túc Duyên*, nói rằng: “Thân tượng Ngài màu xanh, đầu tóc như bờm ngựa, ba mắt, hai răng nanh mọc cong lên. Tay bên trái cầm chày ba chấu. Tay bên phải cầm cây kích hai đầu đều có ba chĩa. Ngài ngồi trên bàn thạch, bốn bề đều có hơi lửa Câu-lâu-la bao phủ (H.59)



Đức Thắng Tam-Thế Minh-vương
像王明世三勝

XVI. ĐỨC ĐẠI NGUYÊN-SUÝ MINH-VƯƠNG

Đức Thánh-tôn này còn có tên là Đại Nguyên Minh-vương. Tên chữ Phạn của Ngài là Atavika ‘A-ta-bà-câu’ hoặc ‘A-tra-bạc-câu’, dịch là Lâm-Dã Khoáng-Dã quỷ-thần, hoặc Vô-Tỷ Lực, v.v... Ngài là tổng soái của bộ Minh-vương. Bản-tánh của Ngài rất quả-cảm, dũng-mãnh. Bốn thế của Ngài, theo truyền thuyết, là hợp thể chính yếu của chư Phật và Bồ-tát, như Ngài Đại-Nhật, Thích-Ca, Quán-Âm, Vô-Tận-Ý và Hư-Không Tạng, v.v... Uy-lực của Ngài rất lớn, không lấy gì so- sánh được.



Đức Đại Nguyên-Suý Minh-vương
像王明帥元大

Hình tượng của Ngài rất nhiều loại. Có tượng một mặt bốn tay, có tượng bốn mặt tám tay, có tượng sáu mặt tám tay,

v.v... Tượng rất dũng-mãnh, kỳ-quái là tượng có 18 mặt và 36 tay. Ai nhìn thấy tượng ấy cũng đều có cảm-giác sợ hãi.

Theo *A-ta-bạc-câu Nguyên Súy Nghi Quĩ* ghi chép thì “lúc Phật nhập-diệt, có một đại tướng-quân tên là A-ta-bạc-câu Nguyên-soái phát tâm giận dữ, cùng với chư Thiên, Long, A-tu-la, tám bộ quỷ thần, bốn đại Thiên-vương, 28 bộ Dược-xoa đại tướng, và 42 bộ La-sát vương, cử Mãn-Thiện làm đầu, lập lời thề ‘một lòng hiệp sức nhau bảo toàn pháp-tạng của Phật, và che chở cho tất chúng sanh, trừ các mối buồn thảm, để cho ngày đêm họ được yên ổn.’ Vì lý do này mà Ngài được gọi là vị tổng-soái của tất cả chư Thiên, Long, Quỷ-thần, Dược-xoa các loại, v.v...”

Tượng bốn mặt tám tay của Ngài, trong *Đại Nguyên-Soái Đà-la-ni Nghi Quĩ* có nói rằng: “A-ta-bạc-câu Nguyên-soái thân dài tám thước, có bốn mặt: mặt trước là mặt Phật. Mặt bên trái có ba con mắt đỏ như máu, có răng cọp bậm cứng vào nhau. Mặt bên phải là mặt Thần có ba mắt, tướng giận dữ, có răng cọp cũng bậm cứng. Trên đầu có thêm một mặt nữa hình tướng ác, cũng có ba mắt đỏ như máu, răng cọp cũng bậm cứng. Trên đầu trên cùng, có chùm tóc rồng đỏ quấn quanh. Trên đó còn có ánh lửa liên-tục bốc lên cao vút.

Thân đeo các con rắn, có tám cánh tay. Bên trái, tay trên cầm bánh xe, tay kế tiếp cầm giáo dài, tay thứ ba hợp lại với tay thứ ba bên phải, bắt ấn cúng dường, tay thứ tư bắt ấn. Bên phải, tay trên cầm chày kim-cang, tay thứ hai cầm gậy, tay dưới cùng cầm đao. Trên các cánh tay đều có rắn quấn. Minh mặc áo giáp gắn bảy món báu, vắt quấn quanh thân. Trên các bắp tay đều có rồng.”

Do đó, ta có thể biết hình tượng của đức Minh-vương này thật đáng sợ. Hình phần nộ của chư tôn khác không vị nào có thể sánh kịp Ngài. Dù đức Minh-vương này làm chủ-thể gọi là tu thờ Đại Nguyên-pháp, cũng gọi là “Đại Nguyên Súy Ngự Tu pháp”. Pháp này là một đại pháp dùng để trấn giữ nước nhà tức để cầu mưa, làm cho giặc hàng phục, thắng địch; hoặc có lúc để được miễn trừ thiên-tai. Theo lời mà phụng tu pháp này thì mọi nguyện được vẹn thành. (H.60)

XVII. ĐỨC NGŨ ĐẠI-LỰC HỔNG MINH-VƯƠNG



Đức Vô-Lượng Lực Hống Minh-vương
像王明吼力量無

Ngũ Đại-lực Hống là: Vô-Lượng Lực hống, Long-Vương hống, Vô-Uý Lực hống, Lôi-Điện hống và Kim-Cang hống. Lúc năm vị Minh-vương này thành một thể thì làm chủ-thể của Nhân-vương Kinh. Đó là thân phần nộ của Kim-Cang Thủ Bồ-tát ở phương đông, Kim-Cang Bửu Bồ-tát ở phương nam, Kim-Cang Lợi Bồ-tát ở phương tây, Kim-Cang Dạ-Xoa Bồ-tát ở phương bắc, Kim-Cang Ba-la-mật Bồ-tát ở trung-ương; cũng giống như năm đại Minh-vương là thân biến hóa của năm đức Phật: Đại-Nhật, A-Súc, Bửu-Sanh, Vô-Lượng Thọ và Bất-Không Thành-Tự.

Nhân-vương Kinh thuộc về một bí-pháp của Đông-Mật. Mục-đích của sự tu pháp này là để diệt-trừ bảy nạn, cho quốc

thái dân an. Trong *Nhân Vương Hộ-pháp Quốc Bát-nhã Ba-la-Mật-đa Kinh* có một đoạn nói như sau: “Lúc bấy giờ đức Thế-Tôn dạy vua Ba-tư-nặc rằng: Đại Quốc-vương, các ông hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta vì các ông mà nói pháp hộ-quốc. Tất cả các quốc-độ, lúc gặp hoạn nạn, có các tai-ương, giặc đến phá-hoại thì các vị vua như các ông nên thọ trì đọc tụng Kinh Bát-Nhã Ba-la-mật-đa, nghiêm sức đạo-tràng, đặt 100 tượng Phật, 100 Bồ-tát, 100 tòa sư-tử, thỉnh 100 vị pháp-sư để giảng-giải kinh đó. Tại trước các tòa ấy, hãy đốt các thứ lửa, hương, dâng hiến các loại hoa, như pháp tu-hành, các nạn liền bị diệt.

Trong quốc-độ của các đại-vương, có vô-lượng quý thần, mỗi vị đều có vô-lượng quyến thuộc, nếu họ nghe Kinh này, họ sẽ ủng-hộ quốc-độ của các ông. Nếu lúc nước loạn thì quý thần loạn trước; quý thần loạn ắt muôn dân loạn. Có giặc sắp khởi thì trăm họ thất-tán; quốc-vương, thái tử, vương tử, bá quan tranh phải trái với nhau. Trời đất biến điều quái-dị, mặt trời, mặt trăng, các vì sao thất thời, thất độ; các nạn cháy to, nước cao, gió lớn... đều khởi. Do đó, ta có thể biết rằng mục- đích của Nhân-vương Kinh có công-năng diệt trừ các tai-nạn ấy rất diệu dụng.

